CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 132/2018/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2018*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 3621
Ngày: 04/10/18
Chuyển: CT, PCT
KCN2 (tm)
TTCBTH
xong

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật điều ước quốc tế ngày 09 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài

1. Bổ sung khoản 4a Điều 3 như sau:

"4a. Báo cáo nghiên cứu khả thi là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu về sự cần thiết, mức độ khả thi và hiệu quả của chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi làm cơ sở để cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư."

2. Sửa đổi khoản 15 Điều 3 như sau:

"15. Dự án hỗ trợ kỹ thuật là dự án có mục tiêu hỗ trợ công tác nghiên cứu chính sách, thể chế, chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao năng lực con người hoặc để chuẩn bị thực hiện chương trình, dự án khác thông qua các hoạt động như cung cấp chuyên gia trong nước và quốc tế, đào tạo, hỗ trợ một số trang thiết bị, tư liệu và tài liệu, tham quan khảo sát, hội thảo trong và ngoài nước. Dự án hỗ trợ kỹ thuật bao gồm dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại và dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi để chuẩn bị dự án đầu tư."

3. Bổ sung khoản 15a Điều 3 như sau:

"15a. Đề xuất chương trình, dự án đầu tư là tài liệu mô tả bối cảnh, sự cần thiết, mục tiêu, phạm vi, kết quả chính, dự kiến thời gian thực hiện, dự kiến tổng mức vốn và cơ cấu vốn, sơ bộ đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, tác động môi trường (nếu có), đề xuất cơ chế tài chính trong nước, phương án cân đối trả nợ và tác động đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn của cơ quan chủ quản làm cơ sở để cấp có thẩm quyền quyết định cho phép lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoặc Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi."

4. Sửa đổi điểm a khoản 16 Điều 3 như sau:

"a) Điều ước quốc tế khung về vốn ODA, vốn vay ưu đãi là điều ước quốc tế về nguyên tắc và điều kiện khung liên quan tới chiến lược, chính sách, khuôn khổ hợp tác, lĩnh vực ưu tiên; chuẩn mực cần tuân thủ trong cung cấp và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi; cam kết vốn ODA, vốn vay ưu đãi cho một năm hoặc nhiều năm và những nội dung khác theo thỏa thuận của các bên ký kết;"

5. Sửa đổi khoản 18 Điều 3 như sau:

"18. Ngân hàng phục vụ là ngân hàng được người sử dụng (Chủ dự án) lựa chọn cho các dự án vay ODA, vốn vay ưu đãi theo điều kiện thị trường, căn cứ danh sách và ý kiến về ngân hàng đủ điều kiện làm ngân hàng phục vụ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định."

6. Sửa đổi khoản 20 Điều 3 như sau:

"20. Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi (sau đây gọi là "Quyết định chủ trương đầu tư") là văn bản quyết định của cấp có thẩm quyền về chủ trương đầu tư chương trình, dự án hoặc chủ trương tiếp nhận khoản vay hỗ trợ ngân sách, bao gồm những nội dung chính: Tên chương trình, dự án và nhà tài trợ, đồng tài trợ nước ngoài; tên cơ quan chủ quản; mục tiêu và kết quả chủ yếu; thời gian và địa điểm thực

hiện; hạn mức vốn; cơ chế tài chính trong nước và phương thức cho vay lại; các hoạt động thực hiện trước (nếu có) làm cơ sở để cơ quan chủ quản phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi."

7. Bổ sung khoản 20a Điều 3 như sau:

"20a. Quyết định chủ trương thực hiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại (sau đây gọi là "Quyết định chủ trương thực hiện") là văn bản quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương thực hiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án bao gồm những nội dung chính: Tên dự án, phi dự án và nhà tài trợ, đồng tài trợ nước ngoài; tên cơ quan chủ quản; mục tiêu; hạn mức vốn làm cơ sở để cơ quan chủ quản phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án."

8. Sửa đổi khoản 21 Điều 3 như sau:

"21. Thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi là văn bản thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi được ký kết nhân danh Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, không phải là điều ước quốc tế."

9. Sửa đổi khoản 22 Điều 3 như sau:

"22. Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại (sau đây gọi là Văn kiện dự án) là tài liệu trình bày bối cảnh, sự cần thiết, mục tiêu, nội dung, hoạt động chủ yếu, kết quả, hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, tổng vốn, nguồn và cơ cấu vốn, các nguồn lực khác, phương thức tài trợ, điều kiện của nhà tài trợ nước ngoài (nếu có), hình thức tổ chức quản lý thực hiện do cơ quan chủ quản phê duyệt làm cơ sở thực hiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án."

10. Sửa đổi điểm b, c khoản 23 Điều 3 như sau:

"b) Vốn vay ODA là khoản vay nước ngoài có thành tố ưu đãi đạt ít nhất 35% đối với khoản vay có điều kiện ràng buộc liên quan đến mua sắm hàng hóa và dịch vụ theo quy định của nhà tài trợ nước ngoài hoặc đạt ít nhất 25% đối với khoản vay không có điều kiện ràng buộc. Phương pháp tính thành tố ưu đãi nêu tại Phụ lục I của Nghị định này;

c) Vốn vay ưu đãi là khoản vay nước ngoài có điều kiện ưu đãi hơn so với vay thương mại nhưng thành tố ưu đãi chưa đạt tiêu chuẩn của vay ODA được quy định tại điểm b khoản này."

11. Sửa đổi khoản 25 Điều 3 như sau:

"25. Vốn ODA, vốn vay ưu đãi có ràng buộc là khoản vốn ODA, vốn vay ưu đãi có kèm theo điều kiện ràng buộc liên quan đến mua sắm hàng hóa và dịch vụ từ quốc gia tài trợ hoặc một nhóm quốc gia nhất định theo quy định của nhà tài trợ nước ngoài và quy định của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD)."

12. Sửa đổi Điều 5 như sau:

"Điều 5. Lĩnh vực ưu tiên sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên hạ tầng giao thông, hạ tầng xã hội (y tế, giáo dục, giáo dục nghề nghiệp), phát triển đô thị thông minh, thủy lợi.

2. Nghiên cứu, xây dựng chính sách, thể chế và cải cách.

3. Phát triển nguồn nhân lực, chuyển giao tri thức và phát triển công nghệ.

4. Giải quyết ô nhiễm và nâng cao chất lượng môi trường; phòng, chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh.

5. Sử dụng làm nguồn vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP).

6. Lĩnh vực ưu tiên khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ."

13. Sửa đổi Điều 6 như sau:

"Điều 6. Lĩnh vực ưu tiên theo nguồn vốn và nguyên tắc sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng

1. Vốn ODA không hoàn lại được ưu tiên sử dụng để thực hiện chương trình, dự án tăng cường năng lực; xây dựng chính sách, thể chế và cải cách; phòng, chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, an sinh xã hội, chuẩn bị các dự án kết cấu hạ tầng có kỹ thuật, công nghệ phức tạp, dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) hoặc đồng tài trợ cho dự án sử dụng vốn vay ưu đãi nhằm làm tăng thành tố ưu đãi của khoản vay.

2. Vốn vay ODA được ưu tiên sử dụng cho các chương trình, dự án trong lĩnh vực y tế, giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, hạ tầng giao thông thiết yếu không có khả năng thu hồi vốn trực tiếp.

3. Vốn vay ưu đãi được ưu tiên sử dụng cho chương trình, dự án cơ sở hạ tầng quy mô lớn, có khả năng tạo ra nguồn thu để trả nợ; dự án vay về để cho vay lại.

4. Việc vay theo phương thức chỉ định nhà cung cấp, nhà thầu của nhà tài trợ nước ngoài áp dụng đối với: Khoản vay hỗ trợ giải quyết các vấn đề khẩn cấp về thiên tai, thảm họa, đảm bảo an ninh, quốc phòng, an ninh năng lượng; trường hợp chủ dự án chứng minh hàng hóa, thiết bị của nhà tài trợ nước ngoài có ưu thế vượt trội về công nghệ, giá cả; các trường hợp cụ thể khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

5. Vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi chỉ sử dụng cho chi đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên.

6. Việc sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi cho các trường hợp khác thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

7. Vốn đối ứng được ưu tiên bố trí cho chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc diện được ngân sách nhà nước cấp phát toàn bộ từ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm và kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm theo đúng tiến độ quy định trong điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án và thực tế giải ngân các nguồn vốn này trong quá trình thực hiện."

14. Sửa đổi Điều 8 như sau:

"Điều 8. Nguyên tắc áp dụng cơ chế tài chính trong nước đối với chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi

1. Đối với chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương không có khả năng thu hồi vốn trực tiếp: Ngân sách trung ương cấp phát toàn bộ.

2. Đối với chương trình, dự án đầu tư thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương: Ngân sách trung ương cấp phát một phần, cho vay lại một phần hoặc toàn bộ đối với vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài theo quy định pháp luật về cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Đối với chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài làm phần đóng góp của địa phương trong dự án đối tác công tư (PPP): Cho vay lại một phần hoặc toàn bộ vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài từ ngân sách trung ương theo quy định pháp luật về cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Đối với chương trình, dự án có khả năng thu hồi vốn toàn bộ hoặc một phần: Cho vay lại toàn bộ hoặc một phần vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài từ ngân sách trung ương theo quy định pháp luật về cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ."

15. Sửa đổi Điều 10 như sau:

"Điều 10. Quy trình quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

Căn cứ kết quả vận động vốn ODA, vốn vay ưu đãi, quy trình quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi như sau:

1. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi và chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại, bao gồm:

a) Lập, lựa chọn, phê duyệt Đề xuất chương trình, dự án (không áp dụng với chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại);

b) Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án;

c) Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án;

d) Ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi cho chương trình, dự án;

đ) Quản lý thực hiện chương trình, dự án;

e) Hoàn thành, chuyển giao kết quả chương trình, dự án.

2. Đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại bao gồm:

a) Lập Văn kiện dự án, phi dự án; thẩm định, quyết định chủ trương thực hiện (áp dụng đối với dự án, phi dự án quy định tại khoản 1 Điều 30a) và phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án;

b) Ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA không hoàn lại cho dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án;

c) Quản lý thực hiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án;

d) Hoàn thành, chuyển giao kết quả dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án.

3. Quy trình quản lý, sử dụng khoản hỗ trợ ngân sách:

a) Lập, thẩm định, quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách;

b) Ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận về khoản hỗ trợ ngân sách;

c) Quản lý thực hiện;

d) Hoàn thành, chuyển giao kết quả."

16. Sửa đổi khoản 1 Điều 11 như sau:

"1. Công tác vận động vốn ODA, vốn vay ưu đãi được thực hiện thông qua đối thoại chính sách phát triển với các nhà tài trợ nước ngoài căn cứ vào Định hướng thu hút vốn ODA, vốn vay ưu đãi; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và quy hoạch phát triển của cả nước, của bộ, ngành, lĩnh vực và của địa phương; Kế hoạch đầu

tư công trung hạn và kế hoạch tài chính ngân sách 05 năm quốc gia; Chiến lược dài hạn về nợ công và Chương trình quản lý nợ công trung hạn; Hạn mức vay vốn ODA, vay ưu đãi hàng năm và trung hạn 5 năm; Kế hoạch tài chính ngân sách 05 năm của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm quốc gia, kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Kế hoạch vay và trả nợ nước ngoài hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt."

17. Sửa đổi tên Chương II như sau:

"Chương II
LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT ĐỀ XUẤT VÀ QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI VÀ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI"

18. Sửa đổi khoản 3, 4 Điều 12 như sau:

"3. Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư đối với các trường hợp không nêu tại khoản 1, 2 Điều này, bao gồm:

a) Chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi;

b) Chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại trong các trường hợp sau: chương trình, dự án đầu tư nhóm A và nhóm B; chương trình, dự án kèm theo khung chính sách; chương trình, dự án trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, tôn giáo; chương trình tiếp cận theo ngành; mua sắm các loại hàng hóa thuộc diện phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép; sự tham gia của Việt Nam vào chương trình, dự án khu vực;

c) Dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi để chuẩn bị dự án đầu tư.

4. Người đứng đầu cơ quan chủ quản quyết định chủ trương đầu tư đối với các trường hợp không quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này."

19. Sửa đổi Điều 13 như sau:

"Điều 13. Trình tự, thủ tục lập, lựa chọn và phê duyệt Đề xuất chương trình, dự án

1. Thẩm quyền phê duyệt Đề xuất chương trình, dự án:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi;

b) Đối với chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại, cơ quan chủ quản lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án, không phải lập Đề xuất Dự án.

2. Lập Đề xuất chương trình, dự án: Cơ quan chủ quản căn cứ vào quy định tại khoản 1, 2 Điều 24 của Luật đầu tư công và khoản 1, 2 Điều 29 Luật Quản lý nợ công lập Đề xuất chương trình, dự án. Mẫu Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi quy định tại Phụ lục II của Nghị định này.

3. Tiêu chí lựa chọn Đề xuất chương trình, dự án:

a) Phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; chỉ tiêu an toàn nợ công và khả năng trả nợ; định hướng thu hút vốn ODA, vốn vay ưu đãi; chính sách, định hướng ưu tiên cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

b) Bảo đảm hiệu quả và bền vững về kinh tế - xã hội, môi trường;

c) Phù hợp với khả năng cân đối vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng;

d) Không trùng lặp với nội dung chương trình, dự án đã có đề xuất, chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Lựa chọn, phê duyệt Đề xuất chương trình, dự án thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ:

a) Cơ quan chủ quản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính văn bản kèm Đề xuất chương trình, dự án;

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đánh giá sự cần thiết của chương trình, dự án, đánh giá sơ bộ tính khả thi, hiệu quả kinh tế, xã hội, tác động môi trường (nếu có) và tác động của chương trình, dự án đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn, lựa chọn Đề xuất chương trình, dự án phù hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt; Bộ Tài chính chủ trì xác định thành tố ưu đãi, đánh giá tác động của khoản vay ODA và vay ưu đãi đối với các chỉ tiêu an toàn nợ công, xác định cơ chế tài chính trong nước, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt cùng Đề xuất chương trình, dự án;

c) Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Đề xuất chương trình, dự án."

20. Sửa đổi tên Điều 16 như sau:

"Điều 16. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, trừ dự án nhóm A"

21. Bổ sung Điều 16a như sau:

"Điều 16a. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách

1. Cơ quan chủ quản có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư kèm theo tài liệu về khoản hỗ trợ ngân sách, trong đó nêu rõ bối cảnh, sự cần thiết, mục tiêu, nội dung, hoạt động chủ yếu, kết quả, hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường, tổng vốn, nguồn và cơ cấu vốn, các nguồn lực khác, điều kiện tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách, quyền lợi và nghĩa vụ, phương thức tài trợ và hình thức tổ chức quản lý.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, lấy ý kiến các cơ quan có liên quan và tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách.

3. Trường hợp khoản hỗ trợ ngân sách được sử dụng để thực hiện các chương trình, dự án cụ thể, trình tự, thủ tục đối với chương trình, dự án cụ thể thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước, quản lý nợ công và pháp luật khác có liên quan."

22. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 19 như sau:

"b) Hợp đồng mua sắm hàng hóa, xây lắp và tư vấn của các gói thầu quy định tại điểm a khoản này chỉ được ký sau khi điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi của chương trình, dự án có hiệu lực. Đối với nguồn vốn vay của các nhà tài trợ song phương, thời điểm ký kết hợp đồng thương mại thực hiện theo quy định của nhà tài trợ song phương."

23. Sửa đổi phần lời dẫn, điểm b khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 21 như sau:

"Trong quá trình triển khai Quyết định chủ trương đầu tư, nếu chương trình, dự án gia hạn không quá 6 tháng so với thời gian thực hiện đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư thì không phải điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư. Trường hợp gia hạn trên 6 tháng và các nội dung khác trong Quyết định chủ trương đầu tư không thay đổi dẫn đến gia hạn điều ước quốc tế cụ thể, thoả thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi, trên cơ sở văn bản đề xuất của cơ quan chủ quản, Bộ Tài chính lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư, gia hạn thời gian thực hiện và gia hạn điều ước quốc tế cụ thể, thoả thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi. Việc điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư đối với các trường hợp còn lại thực hiện như sau:

1. Đối với Quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình mục tiêu, dự án nhóm A:

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, trao đổi với nhà tài trợ nước ngoài về việc tăng quy mô vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi (nếu có);

2. Đối với Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, trừ dự án nhóm A:

a) Cơ quan chủ quản có công văn gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về những thay đổi so với nội dung của Quyết định chủ trương đầu tư;

b) Trên cơ sở công văn của cơ quan chủ quản và ý kiến của các cơ quan có liên quan quy định tại điểm a khoản này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xem xét những thay đổi có liên quan, trao đổi và thống nhất với nhà tài trợ nước ngoài về việc tăng quy mô vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi (nếu có), trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định trong trường hợp thay đổi dẫn đến vượt thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ."

24. Sửa đổi tên Chương III như sau:

"Chương III
LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI VÀ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI"

25. Sửa đổi lời dẫn khoản 1 Điều 24 như sau:

"1. Vốn chuẩn bị chương trình, dự án bao gồm những chi phí sau đây:"

26. Sửa đổi Điều 27 như sau:

"Điều 27. Nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án

1. Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án được lập theo mẫu quy định tại Nghị định này, bao gồm: Mẫu Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng nêu tại Phụ lục V; Mẫu Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư có cấu phần xây dựng nêu tại Phụ lục VI; Mẫu Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình nêu tại Phụ lục VIII.

2. Khi xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục V, VI và VIII, chủ dự án phải tính đến các nội dung theo mẫu của nhà tài trợ nước ngoài, bảo đảm những nội dung của Quyết định chủ trương đầu tư và hài hoà quy trình, thủ tục giữa Việt Nam và nhà tài trợ nước ngoài."

27. Bổ sung Chương IIIa như sau:

"Chương IIIa
LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯƠNG THỰC HIỆN VÀ PHÊ DUYỆT VĂN KIỆN DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT, PHI DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI

Điều 30a. Thẩm quyền phê duyệt chủ trương thực hiện dự án, phi dự án và phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án

1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương thực hiện dự án, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại trong các trường hợp sau: Dự án, phi dự án kèm theo khung chính sách; dự án, phi dự án trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, tôn giáo; dự án, phi dự án có quy mô vốn ODA không hoàn lại tương đương từ 03 triệu đô la Mỹ trở lên; viện trợ mua sắm các loại hàng hóa thuộc diện phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép; sự tham gia của Việt Nam vào chương trình, dự án khu vực.

2. Người đứng đầu cơ quan chủ quản:

a) Phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án trên cơ sở Quyết định chủ trương thực hiện của Thủ tướng Chính phủ đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án đối với các trường hợp không quy định tại khoản 1 Điều này và không phải thực hiện trình tự, thủ tục quyết định chủ trương thực hiện.

Điều 30b. Lập Văn kiện dự án, phi dự án

Cơ quan chủ quản phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài lập Văn kiện dự án, phi dự án theo Mẫu tại Phụ lục VII của Nghị định này.

Điều 30c. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương thực hiện dự án, phi dự án thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ

1. Cơ quan chủ quản có văn bản kèm theo Văn kiện dự án, phi dự án gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về những nội dung chính gồm: sự cần thiết, mục tiêu, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, điều kiện của nhà tài trợ nước ngoài (nếu có) và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến các cơ quan có liên quan, trình Thủ tướng Chính phủ.

4. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương thực hiện dự án, phi dự án.

Điều 30d. Nội dung chính của Quyết định chủ trương thực hiện dự án, phi dự án:

a) Tên dự án, phi dự án;

b) Tên cơ quan chủ quản;

c) Tên nhà tài trợ, đồng tài trợ nước ngoài;

d) Mục tiêu dự án, phi dự án;

e) Hạn mức vốn (vốn ODA không hoàn lại, vốn đối ứng).

Điều 30đ. Trình tự, thủ tục thẩm định và quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án

1. Đối với các dự án, phi dự án quy định tại khoản 1 Điều 30a: Cơ quan chủ quản không tổ chức thẩm định. Người đứng đầu cơ quan chủ quản căn cứ Quyết định chủ trương thực hiện để quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án.

2. Đối với các dự án, phi dự án không quy định tại khoản 1 Điều 30a: Cơ quan chủ quản chủ trì thẩm định Văn kiện dự án, phi dự án bằng hình thức tổ chức Hội nghị thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan tuỳ thuộc vào quy mô, tính chất và nội dung của dự án, phi dự án, gồm:

a) Nội dung thẩm định dự án, phi dự án: Sự phù hợp của dự án, phi dự án với mục tiêu phát triển cụ thể của bộ, ngành, địa phương, đơn vị thực hiện và thụ hưởng; sự phù hợp của phương thức tổ chức thực hiện; vốn và khả năng cân đối vốn; tính hợp lý trong cơ cấu ngân sách dành cho các hạng mục chủ yếu; cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác của nhà tài trợ nước ngoài và các bên tham gia (nếu có); hiệu quả, khả năng vận dụng kết quả vào thực tiễn và tính bền vững sau khi kết thúc; những ý kiến đã được thống nhất hoặc còn khác nhau giữa các bên;

b) Hồ sơ thẩm định dự án, phi dự án bao gồm: Văn bản trình phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án của Chủ dự án; văn bản của nhà tài trợ thống nhất với nội dung dự án, phi dự án và thông báo hoặc cam kết xem xét tài trợ; dự thảo Văn kiện dự án, phi dự án; văn bản góp ý của các cơ quan liên quan; các văn bản ghi nhớ với nhà tài trợ, báo cáo của đoàn chuyên gia thẩm định thực hiện theo yêu cầu của nhà tài trợ (nếu có);

c) Căn cứ kết quả thẩm định, người đứng đầu cơ quan chủ quản quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án;

d) Thời hạn thẩm định Văn kiện dự án, phi dự án là không quá 20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

đ) Trường hợp khoản viện trợ phi dự án có quy mô vốn ODA không hoàn lại từ 200.000 đô la Mỹ trở xuống, khi phê duyệt Văn kiện phi dự án, người đứng đầu cơ quan chủ quản không bắt buộc phải lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan.

3. Cơ quan chủ quản chủ trì thẩm định chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định Văn kiện dự án, phi dự án.

4. Sau khi Văn kiện dự án, phi dự án được phê duyệt, cơ quan chủ quản thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan kèm theo Văn kiện dự án, phi dự án đã được phê duyệt có đóng dấu giáp lai của cơ quan chủ quản để giám sát và phối hợp thực hiện.

Điều 30e. Điều chỉnh nội dung Quyết định chủ trương thực hiện và Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án

1. Đối với Quyết định chủ trương thực hiện:

a) Cơ quan chủ quản có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về những thay đổi so với nội dung của Quyết định chủ trương thực hiện;

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về các nội dung thay đổi có liên quan, trao đổi với nhà tài trợ nước ngoài về thay đổi quy mô vốn ODA không hoàn lại (nếu có) và tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ;

c) Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương thực hiện dự án, phi dự án.

2. Đối với Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án:

a) Cơ quan chủ quản có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan về những thay đổi so với nội dung Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án;

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét về các thay đổi, trao đổi với nhà tài trợ nước ngoài về thay đổi về quy mô vốn ODA không hoàn lại (nếu có);

c) Trên cơ sở ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan, người đứng đầu cơ quan chủ quản quyết định phê duyệt điều chỉnh Văn kiện dự án, phi dự án. Trong trường hợp nội dung thay đổi dẫn đến vượt thẩm quyền cơ quan chủ quản, cơ quan chủ quản thực hiện quy định tại Điều 30c."

28. Sửa đổi Điều 31 như sau:

"1. Cơ sở đề xuất ký kết điều ước quốc tế khung về vốn ODA, vốn vay ưu đãi là kết quả vận động, chiến lược và chính sách hợp tác phát triển, lĩnh vực ưu tiên về sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã được thống nhất giữa cấp có thẩm quyền của Việt Nam và nhà tài trợ nước ngoài.

2. Cơ sở đề xuất ký kết điều ước quốc tế cụ thể về vốn ODA, vốn vay ưu đãi:

a) Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi và chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại: Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án được phê duyệt và quyết định đầu tư chương trình, dự án;

b) Đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại: Văn kiện dự án, phi dự án và Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án."

29. Sửa đổi khoản 2, 3 và 4 Điều 32 như sau:

"2. Bộ Tài chính là cơ quan đề xuất trình Chính phủ về việc ký kết điều ước quốc tế khung và cụ thể về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn ODA không hoàn lại cho chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, trừ vốn ODA không hoàn lại được quy định tại khoản 3, 4 Điều này.

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan đề xuất trình Chính phủ về việc ký kết điều ước quốc tế cụ thể về vốn ODA không hoàn lại không gắn với khoản vay của các tổ chức tài chính tiền tệ và ngân hàng quốc tế do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam làm đại diện.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đề xuất trình Chính phủ về việc ký kết điều ước quốc tế khung và cụ thể về vốn ODA không hoàn lại không gắn với khoản vay cho chương trình, dự án không quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này."

30. Sửa đổi khoản 2, 3 và 4 Điều 35 như sau:

"2. Bộ Tài chính là cơ quan đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ về việc ký kết thoả thuận về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn ODA không hoàn lại tài trợ cho chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, trừ vốn ODA không hoàn lại được quy định tại khoản 3, 4 Điều này.

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ về việc ký kết thoả thuận về vốn ODA không hoàn lại không gắn với khoản vay của các tổ chức tài chính tiền tệ và ngân hàng quốc tế do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam làm đại diện.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ về việc ký kết thoả thuận về vốn ODA không hoàn lại không gắn với khoản vay cho chương trình, dự án không quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này."

31. Sửa đổi khoản 3 Điều 36 như sau:

"3. Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn thỏa thuận về vốn ODA viện trợ không hoàn lại nhân danh Chính phủ thực hiện như sau:

a) Cơ quan đề xuất ký kết chủ động thảo luận và thống nhất với bên nước ngoài về dự thảo thỏa thuận;

b) Trên cơ sở tổng hợp ý kiến các cơ quan và thống nhất với bên nước ngoài, cơ quan đề xuất ký kết tổng hợp kết quả đàm phán để đồng thời xin ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp. Các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến;

c) Cơ quan đề xuất ký kết trao đổi lại với bên nước ngoài để hoàn chỉnh dự thảo thỏa thuận và trình Thủ tướng Chính phủ việc ký kết;

d) Sau khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép ký kết, người đứng đầu cơ quan được Thủ tướng Chính phủ uỷ quyền tiến hành ký thỏa thuận với bên nước ngoài;

đ) Trường hợp nội dung dự thảo thỏa thuận tương tự thỏa thuận mẫu hoặc thỏa thuận khung đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, cơ quan đề xuất ký kết trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc ký kết sau khi đã đàm phán và thống nhất với bên nước ngoài. Đối với các nội dung khác với thỏa thuận mẫu hoặc thỏa thuận khung đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các điều kiện tài chính cụ thể, cơ chế tài chính chưa được nêu trong thỏa thuận mẫu hoặc thỏa thuận khung, cơ quan đề xuất ký kết phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước khi ký kết;

e) Đối với sửa đổi, bổ sung thỏa thuận làm thay đổi cam kết về hạn mức vốn ODA không hoàn lại, trên cơ sở tổng hợp ý kiến các cơ quan liên quan, cơ quan đề xuất ký kết trình Thủ tướng Chính phủ quyết định; trong các trường hợp khác, Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cơ quan đề xuất ký kết thống nhất và ký kết với bên nước ngoài."

32. Bổ sung khoản 3a, 3b, 3c Điều 36 như sau:

"3a. Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn thoả thuận về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nhân danh Chính phủ thực hiện như sau:

a) Bộ Tài chính thảo luận, thống nhất với bên nước ngoài về dự thảo thoả thuận;

b) Trên cơ sở tổng hợp ý kiến các cơ quan liên quan và thống nhất với bên nước ngoài, Bộ Tài chính tổng hợp kết quả đàm phán để đồng thời xin ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp. Các cơ quan xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến;

c) Bộ Tài chính trao đổi lại với bên nước ngoài để hoàn chỉnh dự thảo thỏa thuận và trình Thủ tướng Chính phủ việc ký kết;

d) Sau khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép ký kết, Bộ trưởng Bộ Tài chính tiến hành ký thỏa thuận với bên nước ngoài;

đ) Trường hợp nội dung dự thảo thỏa thuận tương tự thỏa thuận mẫu hoặc thỏa thuận khung đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc ký kết sau khi đã đàm phán và thống nhất với bên nước ngoài. Đối với các nội dung khác với thỏa thuận mẫu hoặc thỏa thuận khung đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các điều kiện tài chính cụ thể, cơ chế tài chính chưa được nêu trong thỏa thuận mẫu hoặc thỏa thuận khung, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước khi ký kết;

e) Đối với sửa đổi, bổ sung và gia hạn liên quan đến các cam kết về tài chính, trên cơ sở tổng hợp ý kiến các cơ quan liên quan, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định; trong các trường hợp khác, Thủ tướng Chính phủ ủy quyền Bộ Tài chính thống nhất và ký kết với bên nước ngoài.

3b. Trường hợp nhà tài trợ nước ngoài yêu cầu xây dựng thoả thuận mẫu hoặc thoả thuận khung về vốn ODA, vốn vay ưu đãi, cơ quan đề xuất ký kết tiến hành trình tự, thủ tục phê duyệt thoả thuận mẫu hoặc thoả thuận khung như sau:

a) Cơ quan đề xuất ký kết thảo luận, thống nhất với bên nước ngoài về dự thảo thoả thuận mẫu hoặc thoả thuận khung;

b) Trên cơ sở tổng hợp ý kiến các cơ quan liên quan và thống nhất với bên nước ngoài, cơ quan đề xuất ký kết tổng hợp kết quả đàm phán để đồng thời xin ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp. Các cơ quan xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến;

c) Cơ quan đề xuất ký kết trao đổi lại với bên nước ngoài để hoàn chỉnh dự thảo thỏa thuận mẫu hoặc thoả thuận khung và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3c. Trường hợp điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi có yêu cầu ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp, sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ do Bộ Tài chính cung cấp theo quy định của pháp luật hiện hành về cấp ý kiến pháp lý, Bộ Tư pháp làm thủ tục cấp ý kiến pháp lý theo quy định của pháp luật."

33. Sửa đổi lời dẫn và khoản 1, 2 và 5 Điều 37 như sau:

"Điều 37. Các hình thức tổ chức quản lý chương trình, dự án

Hình thức tổ chức, quản lý chương trình, dự án thực hiện theo văn kiện, báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc theo quy định của điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết với nhà tài trợ nước ngoài, trong đó căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện chương trình, dự án, năng lực tổ chức quản lý chương trình, dự án, người quyết định đầu tư quyết định áp dụng hình thức tổ chức quản lý chương trình, dự án sau:

1. Đối với chương trình, dự án đầu tư xây dựng: áp dụng hình thức tổ chức, quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

2. Đối với chương trình, dự án khác, người quyết định đầu tư quyết định áp dụng một trong các hình thức sau:

a) Thành lập Ban quản lý dự án mới;

b) Sử dụng Ban quản lý dự án đang hoạt động để quản lý chương trình, dự án mới;

c) Chủ dự án tự quản lý chương trình, dự án;

d) Nhà tài trợ nước ngoài trực tiếp quản lý toàn bộ chương trình, dự án;

đ) Nhà tài trợ nước ngoài trực tiếp quản lý một phần chương trình, dự án.

5. Thuê tư vấn quản lý một phần hoặc toàn bộ công việc thực hiện chương trình, dự án."

34. Sửa đổi Điều 39 như sau:

"Điều 39. Thành lập Ban quản lý dự án

1. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày có quyết định đầu tư, người đứng đầu cơ quan chủ quản ban hành quyết định thành lập Ban Quản lý dự án. Trường hợp chủ dự án có đầy đủ tư cách pháp nhân, người đứng đầu cơ quan chủ quản có thể ủy quyền cho chủ dự án ban hành quyết định thành lập Ban Quản lý dự án (trừ trường hợp Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực thành lập theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng).

2. Trường hợp thành lập Ban quản lý dự án mới theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 37 của Nghị định này: Quyết định thành lập Ban quản lý dự án phải kèm theo văn bản quy định cơ cấu tổ chức; chức năng, nhiệm vụ; trách nhiệm, quyền hạn và ủy quyền; đề cương giao việc đối với một số chức danh chủ chốt của Ban quản lý dự án.

3. Trường hợp sử dụng Ban quản lý dự án đang hoạt động để quản lý chương trình, dự án mới theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 37 của Nghị định này: Căn cứ quyết định thành lập Ban quản lý dự án hiện hành, người đứng đầu cơ quan chủ quản hoặc chủ dự án tiến hành bổ sung, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của Ban quản lý dự án đang hoạt động để quản lý chương trình, dự án mới.

4. Trường hợp chủ dự án tự quản lý chương trình, dự án theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37 của Nghị định này: Trên cơ sở quyết định của người đứng đầu cơ quan chủ quản giao chủ dự án chịu trách nhiệm quản lý việc thực hiện dự án, trong vòng 30 ngày kể từ ngày có quyết định đầu tư, chủ dự án ban hành quyết định phân công và giao nhiệm vụ bổ sung cho đơn vị, cá nhân trực thuộc thực hiện các hoạt động quản lý chương trình, dự án theo quy định hiện hành của pháp luật, theo đó tối thiểu phải có một cán bộ đầu mối về quản lý và một cán bộ đầu mối theo dõi tài chính, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm hoặc chuyên trách và phải có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với vị trí đảm nhận.

5. Trường hợp nhà tài trợ nước ngoài trực tiếp quản lý một phần chương trình, dự án theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 37 của Nghị định này: Căn cứ nội dung văn kiện chương trình, dự án hoặc điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi trong đó quy định nhà tài trợ nước ngoài trực tiếp quản lý một phần chương trình, dự án và phía Việt Nam quản lý phần còn lại, người đứng đầu cơ quan chủ quản quyết định áp dụng một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều 37 Nghị định này để quản lý phần việc do phía Việt Nam đảm nhận theo quy định hiện hành của Việt Nam và cam kết với nhà tài trợ nước ngoài.

6. Trường hợp nhà tài trợ nước ngoài trực tiếp quản lý toàn bộ chương trình, dự án theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 37 của Nghị định này: Căn cứ nội dung văn kiện chương trình, dự án hoặc điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi trong đó quy định nhà tài trợ nước ngoài trực tiếp quản lý toàn bộ chương trình, dự án, người đứng đầu cơ quan chủ quản giao nhiệm vụ cho đơn vị trực thuộc phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài giám sát tiến độ và chất lượng, khai thác và sử dụng các kết quả đầu ra của chương trình, dự án.

7. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày có quyết định thành lập Ban quản lý dự án, người đứng đầu cơ quan chủ quản hoặc chủ dự án có tư cách pháp nhân được người đứng đầu cơ quan chủ quản ủy quyền ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án. Trong trường hợp điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án có quy định về cơ cấu tổ chức quản lý dự án, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban quản lý dự án, những quy định này phải được cụ thể hóa và thể hiện đầy đủ trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án."

35. Bổ sung các Điều 45a, 45b, 45c như sau:

"Điều 45a. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Nguyên tắc, căn cứ lập kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ODA, vốn vay ưu đãi:

a) Thực hiện theo quy định tại các Điều 50, 51 và 70 của Luật Đầu tư công;

b) Nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền;

c) Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm, trong phạm vi và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách theo phân cấp.

2. Điều kiện chương trình, dự án được bố trí vốn kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ODA, vốn vay ưu đãi:

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 55 của Luật Đầu tư công;

b) Bảo đảm cân đối đủ vốn đối ứng phù hợp với tiến độ giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

3. Trình tự lập, thẩm định, trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ODA, vốn vay ưu đãi:

a) Đối với vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi được cân đối trong ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 65 và 71 của Luật Đầu tư công;

b) Đối với vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi cho vay lại chính quyền địa phương: Thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 67 của Luật Đầu tư công;

c) Đối với vốn ODA không hoàn lại trong chương trình, dự án do chính quyền địa phương là cơ quan chủ quản: Thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 67 của Luật Đầu tư công;

d) Đối với vốn ODA không hoàn lại trong chương trình, dự án do bộ, cơ quan trung ương, cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và của tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan tổ chức khác là cơ quan chủ quản: Thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 65 và 71 của Luật Đầu tư công.

Điều 45b. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Nguyên tắc, căn cứ lập kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ODA, vốn vay ưu đãi:

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 50, 51 và 70 của Luật Đầu tư công;

b) Nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền;

c) Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm, trong phạm vi và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách theo phân cấp.

2. Điều kiện chương trình, dự án được bố trí vốn kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ODA, vốn vay ưu đãi:

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 56 của Luật Đầu tư công;

b) Đã được bố trí hạn mức kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ODA, vốn vay ưu đãi;

c) Có đủ hạn mức kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ODA, vốn vay ưu đãi để bố trí;

d) Bảo đảm cân đối đủ vốn đối ứng phù hợp với tiến độ giải ngân vốn ODA và vốn vay ưu đãi.

3. Trình tự lập, thẩm định, trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ODA, vốn vay ưu đãi:

a) Đối với vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi được cân đối trong ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại các Điều 59, 66 và 71 của Luật Đầu tư công;

b) Đối với vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi cho vay lại chính quyền địa phương: Thực hiện theo quy định tại các Điều 59, 68 của Luật Đầu tư công;

c) Đối với vốn ODA không hoàn lại trong chương trình, dự án do chính quyền địa phương là cơ quan chủ quản: Thực hiện theo quy định tại các Điều 59, 68 của Luật Đầu tư công;

d) Đối với vốn ODA không hoàn lại trong chương trình, dự án do bộ, cơ quan trung ương, cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và của tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan tổ chức khác là cơ quan chủ quản: Thực hiện theo quy định tại các Điều 59, 66 và 71 của Luật Đầu tư công.

Điều 45c. Thực hiện và điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ODA, vốn vay ưu đãi:

a) Đối với vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi: Theo hạn mức kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao;

b) Đối với vốn ODA không hoàn lại: Theo tiến độ thực hiện và tiến độ cấp vốn của nhà tài trợ nước ngoài. Kết quả giải ngân thực tế cần được quyết toán và báo cáo theo quy định.

2. Vốn đối ứng bố trí cho chương trình, dự án phải phù hợp với tiến độ giao, thực hiện và điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

3. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm vốn ODA, vốn vay ưu đãi: Thực hiện theo quy định tại Điều 75 của Luật Đầu tư công."

36. Sửa đổi khoản 1 Điều 47 như sau:

"1. Trên cơ sở kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án đã được cơ quan chủ quản phê duyệt; căn cứ tình hình giải ngân thực tế và kế hoạch giải ngân theo điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án, chủ dự án xem xét và trình người đứng đầu cơ quan chủ quản phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm. Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi hằng năm là một phần kế hoạch đầu tư hằng năm của cơ quan chủ quản."

37. Sửa đổi Điều 53 như sau:

"1. Trường hợp điều chỉnh nội dung chương trình, dự án trong quá trình thực hiện:

a) Làm thay đổi nội dung Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Quyết định chủ trương thực hiện nhưng không dẫn đến sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi: Chủ dự án trình cơ quan chủ quản xử lý theo quy định tại Điều 21 hoặc Điều 30e Nghị định này;

b) Làm thay đổi nội dung Quyết định đầu tư hoặc Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án nhưng không dẫn đến sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi: Chủ dự án trình cơ quan chủ quản để cơ quan chủ quản quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định đầu tư hoặc Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Trường hợp điều chỉnh nội dung chương trình, dự án trong quá trình thực hiện dẫn đến sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi:

a) Đối với điều chỉnh nội dung chương trình, dự án trong quá trình thực hiện dẫn đến thay đổi về nội dung trong Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Quyết định chủ trương thực hiện, thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư và Quyết định đầu tư hoặc Quyết định chủ trương thực hiện và Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, cơ quan chủ quản có văn bản gửi cơ quan có thẩm quyền đề xuất ký kết điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đề nghị sửa đổi, bổ sung điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi;

b) Đối với điều chỉnh nội dung chương trình, dự án dẫn đến thay đổi về nội dung trong Quyết định đầu tư hoặc Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. Sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh Quyết định đầu tư hoặc điều chỉnh Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, cơ quan chủ quản có văn bản gửi cơ quan có thẩm quyền đề xuất ký kết điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đề nghị sửa đổi, bổ sung điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

3. Vốn dư (vốn ODA, vốn vay ưu đãi) phát sinh trong quá trình thực hiện chương trình, dự án (bao gồm vốn dư sau đấu thầu, vốn dư do thay đổi tỷ giá, lãi suất, vốn dự phòng chưa phân bổ và các khoản vốn dư khác), trường hợp thực sự cần thiết sử dụng để phát huy hiệu quả của chương trình, dự án đang thực hiện, trình tự, thủ tục quyết định việc sử dụng vốn dư như sau:

a) Đối với trường hợp sử dụng vốn dư trong phạm vi chương trình, dự án được xác định tại văn bản quyết định đầu tư dự án hoặc quyết định phê duyệt văn kiện dự án, phi dự án, phù hợp với quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc quyết định chủ trương thực hiện dự án, phi dự án của cấp có thẩm quyền: sau khi thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính, cơ quan chủ quản thỏa thuận với nhà tài trợ nước ngoài để quyết định việc sử dụng vốn dư theo quy định hiện hành;

b) Đối với trường hợp sử dụng vốn dư để thực hiện chương trình, dự án mới theo hướng ưu tiên nhằm phát huy hiệu quả của chương trình, dự án đang thực hiện: cơ quan chủ quản có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính kèm theo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án mới hoặc Văn kiện dự án, phi dự án mới. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan làm việc với nhà tài trợ nước ngoài để thống nhất việc sử dụng vốn dư. Các bước tiếp theo liên quan đến việc trình, thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án hoặc chủ trương thực hiện dự án, phi dự án thực hiện theo quy định tại Điều 14, 15, 16, 17, 18 hoặc Điều 30c Nghị định này."

38. Bổ sung Chương Va như sau:

"Chương Va
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

Mục 1
MỞ VÀ QUẢN LÝ TÀI KHOẢN THANH TOÁN

Điều 56a. Mở tài khoản thanh toán cho chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi tại hệ thống Kho bạc nhà nước, ngân hàng phục vụ

1. Tài khoản nguồn vốn ODA, vay ưu đãi:

a) Các khoản vay và viện trợ của ngân sách nhà nước được quản lý, hạch toán theo dõi trên tài khoản của từng cấp ngân sách;

b) Chủ dự án mở tài khoản nguồn vốn của dự án tại hệ thống Kho bạc nhà nước hoặc ngân hàng phục vụ để tiếp nhận nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi chi cho các hoạt động của chương trình, dự án.

2. Tài khoản vốn đối ứng: Chủ dự án mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để thực hiện việc kiểm soát, thanh toán đối với nguồn vốn đối ứng của dự án.

3. Kho bạc nhà nước tổ chức việc kiểm soát, thanh toán cho dự án từ nguồn vốn ODA, vay ưu đãi, vốn đối ứng.

Điều 56b. Tiêu chí lựa chọn ngân hàng phục vụ chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Là một ngân hàng được lựa chọn trong các ngân hàng có kinh nghiệm quản lý rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi, được xếp hạng tín nhiệm trong nước, đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ ngân hàng, các quy định về giới hạn tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng.

2. Có hệ thống chi nhánh phù hợp với yêu cầu của chương trình, dự án.

3. Chấp nhận các trách nhiệm của ngân hàng phục vụ quy định tại Nghị định này.

Điều 56c. Trách nhiệm của ngân hàng phục vụ

1. Làm thủ tục cho Bộ Tài chính hoặc chủ dự án mở tài khoản vốn ODA, vốn vay ưu đãi cho chương trình, dự án theo thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi và phù hợp với quy định của Nghị định này.

2. Theo dõi, quản lý tài khoản, thực hiện các giao dịch ngân hàng và thu phí theo quy định, báo cáo thông tin về tài khoản chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi theo quy định tại Nghị định này.

Điều 56d. Nguyên tắc mở và quản lý tài khoản tạm ứng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hoặc ngân hàng phục vụ làm thủ tục mở tài khoản tạm ứng (tài khoản giao dịch) cho chủ dự án hoặc Bộ Tài chính phù hợp với yêu cầu thanh toán của dự án, đảm bảo luân chuyển vốn tài trợ trực tiếp đến dự án, không bố trí qua tài khoản trung gian.

Trường hợp dự án có nhiều khoản tài trợ, phải mở các tài khoản riêng để theo dõi từng nguồn vốn rút về.

2. Trường hợp cơ quan chủ quản dự án giao nhiều đơn vị thực thi, chủ dự án mở tài khoản nhánh tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hoặc chi nhánh ngân hàng phục vụ.

3. Đồng tiền của tài khoản là đồng ngoại tệ vay nước ngoài (trừ trường hợp được Bộ Tài chính chấp thuận mở tài khoản bằng đồng Việt Nam).

4. Quản lý lãi tài khoản tạm ứng:

a) Lãi phát sinh trên tài khoản tạm ứng phải được hạch toán theo dõi riêng và được sử dụng để thanh toán phí dịch vụ ngân hàng theo quy định. Phí dịch vụ ngân hàng là khoản chi thuộc dự án. Trường hợp số lãi phát sinh không đủ để thanh toán phí dịch vụ ngân hàng, chủ dự án lập dự toán và bố trí vốn đối ứng để chi trả;

b) Khi kết thúc hoạt động chi tiêu trên tài khoản tạm ứng, đối với dự án do ngân sách cấp phát toàn bộ, chủ dự án nộp số dư lãi phát sinh trên tài khoản này vào ngân sách nhà nước. Đối với dự án vay lại toàn bộ, số dư lãi phát sinh là nguồn thu của chủ dự án. Đối với dự án vay lại theo tỷ lệ, số dư lãi phát sinh được phân bổ theo tỷ lệ tương ứng.

Điều 56đ. Trách nhiệm của cơ quan giữ tài khoản của chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Theo đề nghị của chủ dự án là chủ tài khoản, Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng phục vụ hướng dẫn hồ sơ và thủ tục mở các tài khoản thanh toán của dự án và thực hiện các giao dịch thanh toán, rút vốn và các nghiệp vụ khác theo quy định hiện hành.

2. Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng phục vụ có trách nhiệm hướng dẫn và cung cấp cho dự án đầy đủ thông tin để thực hiện giao dịch thanh toán qua hệ thống Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng phục vụ.

3. Định kỳ hàng tháng theo thỏa thuận giữa cơ quan giữ tài khoản và chủ tài khoản và khi chủ tài khoản có yêu cầu, cơ quan giữ tài khoản có trách nhiệm gửi báo cáo sao kê tài khoản tạm ứng cho chủ tài khoản, chi tiết số tiền nguyên tệ, người thụ hưởng và ngày giao dịch, tỷ giá áp dụng và giá trị đồng Việt Nam tương đương, số dư đầu kỳ, số chi trong kỳ và số dư cuối kỳ.

4. Định kỳ hàng tháng theo thỏa thuận giữa cơ quan giữ tài khoản và chủ tài khoản và khi chủ tài khoản có yêu cầu, cơ quan giữ tài khoản thông báo cho chủ tài khoản số lãi phát sinh trên tài khoản tạm ứng của dự án (nếu có); số phí dịch vụ ngân hàng đã thu; số chênh lệch giữa lãi và phí; số dư đầu kỳ, cuối kỳ.

5. Trong vòng 2 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo có số tiền giải ngân từ nhà tài trợ nước ngoài, cơ quan giữ tài khoản thực hiện ghi có vào tài khoản của dự án và thông báo cho chủ tài khoản biết.

6. Trước ngày 10 hằng tháng, Kho bạc Nhà nước, ngân hàng phục vụ tổng hợp báo cáo gửi Bộ Tài chính tình hình hoạt động trong tháng trước đó của các tài khoản nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi mở trên toàn hệ thống. Báo cáo chi tiết theo tên dự án, chủ dự án, tài khoản, tiểu khoản (mỗi tài khoản, tiểu khoản sử dụng cho một nguồn tài trợ), báo cáo phải tách riêng nguồn ODA viện trợ không hoàn lại, nguồn vốn vay; Báo cáo chi tiết số dư tài khoản đầu kỳ, tổng số rút vốn từ nhà tài trợ nước ngoài trong kỳ, tổng số chi trong kỳ, số dư cuối kỳ, các giao dịch hoàn trả tiền cho nhà tài trợ nước ngoài (nếu có); Báo cáo số liệu lãi phát sinh trên các tài khoản nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi trong kỳ, số lãi đã sử dụng trang trải phí dịch vụ ngân hàng, số dư lãi cuối kỳ.

Mục 2
LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NGUỒN VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI

Điều 56e. Lập kế hoạch tài chính hằng năm cho chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Trên cơ sở kế hoạch trung hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc kế hoạch điều chỉnh, bổ sung, cơ quan chủ quản lập kế hoạch tài chính hằng năm cho chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

2. Kế hoạch tài chính hằng năm phải lập chi tiết cho từng chương trình, dự án, từng điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết, trong đó chia ra vốn chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, vốn vay lại, vốn đối ứng. Trường hợp dự án áp dụng vay lại theo tỷ lệ, kế hoạch vốn phần cấp phát và vay lại phải đảm bảo đúng tỷ lệ theo cơ chế tài chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Mức bố trí vốn ODA, vốn vay ưu đãi và vốn đối ứng trong dự toán ngân sách hằng năm phải đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế, thỏa thuận về ODA và vay ưu đãi nước ngoài đã ký kết, phù hợp với khả năng giải ngân thực tế của các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

4. Việc lập kế hoạch tài chính hằng năm cho chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi tuân thủ quy trình lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 56f. Tổng hợp kế hoạch tài chính nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm

1. Đối với các dự án chi đầu tư phát triển được ngân sách nhà nước cấp phát, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi, kế hoạch vốn đối ứng gửi Bộ Tài chính để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

2. Đối với chi thường xuyên, Bộ Tài chính tổng hợp kế hoạch rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng vào dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

3. Đối với khoản vay lại của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập kế hoạch rút vốn vay lại, báo cáo cấp thẩm quyền theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về quản lý nợ của chính quyền địa phương gửi Bộ Tài chính để tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.

4. Đối với dự án cho vay lại của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chủ dự án gửi Bộ Tài chính đăng ký kế hoạch giải ngân vốn vay lại hằng năm, đồng gửi cơ quan cho vay lại. Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ quyết định hạn mức vay vốn ODA, vốn vay ưu đãi để cho vay lại hằng năm.

5. Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung mẫu biểu và thuyết minh lập kế hoạch tài chính hằng năm đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

Mục 3
KIỂM SOÁT CHI NGUỒN VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI

Điều 56g. Nguyên tắc kiểm soát chi

Việc kiểm soát và thanh toán vốn ODA, vốn vay ưu đãi (sau đây gọi tắt là kiểm soát chi) áp dụng theo các quy định hiện hành đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 56h. Cơ quan kiểm soát chi

1. Kho bạc nhà nước các cấp thực hiện việc kiểm soát hồ sơ thanh toán của dự án hoặc hợp phần dự án được ngân sách nhà nước cấp phát; dự án áp dụng cơ chế cấp phát một phần, vay lại một phần theo tỷ lệ và dự án vay lại của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Cơ quan cho vay lại được Bộ Tài chính uỷ quyền thực hiện việc kiểm soát hồ sơ thanh toán của dự án hoặc hợp phần dự án áp dụng cơ chế vay lại toàn bộ.

3. Đối với các chương trình, dự án khác chưa được xác định theo các khoản 1 và 2 Điều này, Bộ Tài chính xác định cơ quan kiểm soát chi phù hợp, đảm bảo nguyên tắc không có hai cơ quan kiểm soát chi cùng kiểm soát một hoạt động chi tiêu của dự án.

Điều 56i. Hình thức kiểm soát chi

1. Kiểm soát chi trước là việc cơ quan kiểm soát chi kiểm tra, xác nhận tính hợp pháp, hợp lệ của khoản chi trước khi chủ dự án rút vốn thanh toán cho nhà thầu, người thụ hưởng. Kiểm soát chi trước áp dụng đối với các khoản chi không thuộc phạm vi khoản 2 Điều này.

2. Kiểm soát chi sau là việc cơ quan kiểm soát chi kiểm tra, xác nhận tính hợp pháp, hợp lệ của khoản chi sau khi chủ dự án đã rút vốn thanh toán cho nhà thầu, người thụ hưởng. Kiểm soát chi sau áp dụng với các trường hợp sau:

a) Thanh toán từ tài khoản tạm ứng cho nhà thầu, nhà cung cấp, trừ tài khoản tạm ứng do Bộ Tài chính là chủ tài khoản áp dụng kiểm soát chi trước. Chuyển tiền từ tài khoản tạm ứng sang tài khoản tạm giữ để thanh toán chi phí kiểm toán độc lập sau khi đóng tài khoản tạm ứng;

b) Chuyển tạm ứng từ tài khoản tạm ứng cho các tài khoản cấp hai đối với dự án có nhiều cấp quản lý;

c) Các khoản chi từ tài khoản cấp hai cho hoạt động quản lý dự án thuộc dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày rút vốn thanh toán, chủ dự án phải hoàn tất hồ sơ thanh toán gửi cơ quan kiểm soát chi xác nhận để làm cơ sở thực hiện lần thanh toán kế tiếp. Trường hợp thấy cần thiết, chủ dự án có quyền thỏa thuận với nhà thầu áp dụng hình thức kiểm soát chi trước đối với các khoản chi nêu tại khoản 2 Điều này và gửi cơ quan kiểm soát chi để phối hợp thực hiện.

Mục 4
RÚT VỐN, QUẢN LÝ HẠCH TOÁN VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI

Điều 56k. Các hình thức rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi

Các hình thức rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi bao gồm:

1. Giải ngân hỗ trợ ngân sách: Vốn ODA, vốn vay ưu đãi được giải ngân về ngân sách nhà nước đối với khoản hỗ trợ ngân sách trực tiếp hoặc phương thức tài trợ dựa trên kết quả.

2. Tài trợ theo chương trình, dự án:

Phương thức tài trợ theo chương trình, dự án áp dụng một hoặc một số các hình thức rút vốn sau đây: thanh toán trực tiếp và thanh toán chuyển tiền, thanh toán theo thư cam kết, hoàn vốn hoặc hồi tố, tài khoản tạm ứng.

Điều 56l. Thời gian xử lý rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi

Thời gian xử lý đơn rút vốn tại Bộ Tài chính là 04 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 56m. Trình tự, thủ tục rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Trình tự và thủ tục rút vốn theo hình thức hỗ trợ ngân sách:

a) Chủ dự án, cơ quan chủ quản có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan để thực hiện các cam kết về phần mình theo thoả thuận với bên cho vay nước ngoài, để thoả mãn điều kiện tiên quyết về rút vốn nêu trong các điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết;

b) Chủ dự án, cơ quan chủ quản có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan lập hồ sơ và đơn rút vốn gửi Bộ Tài chính theo quy định của bên cho vay nước ngoài;

c) Đối với hình thức hỗ trợ ngân sách chung, Bộ Tài chính xử lý các hồ sơ và đơn rút vốn gửi bên cho vay nước ngoài và chuyển các khoản rút vốn về ngân sách nhà nước để sử dụng theo thỏa thuận vay đã ký;

d) Trường hợp khoản vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo hình thức hỗ trợ ngân sách cho một ngành, lĩnh vực cụ thể:

Cơ quan chủ quản chương trình, dự án có trách nhiệm thống nhất với Bộ Tài chính về thời điểm rút vốn, số tiền rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi, đảm bảo khoản tiền giải ngân đã được đưa vào kế hoạch tài chính năm của các dự án thành phần.

Vốn ODA, vốn vay ưu đãi giải ngân về ngân sách nhà nước được phân bổ cho các dự án thành phần để sử dụng theo đúng quy trình quản lý vốn ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Trình tự và thủ tục rút vốn theo phương thức tài trợ dựa trên kết quả:

a) Chủ dự án, cơ quan chủ quản có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các chỉ số giải ngân liên quan theo thoả thuận với bên cho vay nước ngoài để làm cơ sở rút vốn. Chủ dự án được tiếp nhận vốn tạm ứng theo quy định của bên cho vay nước ngoài để thực hiện các công việc đã thỏa thuận nhằm đạt được cam kết gắn với chỉ số giải ngân;

b) Chủ dự án, cơ quan chủ quản có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan lập báo cáo, tài liệu hoặc cung cấp tài liệu chứng minh việc hoàn thành các tiêu chí giải ngân quy định tại thỏa thuận vay vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký để gửi bên cho vay nước ngoài. Chủ dự án lập hồ sơ và đơn rút vốn gửi Bộ Tài chính theo quy định của bên cho vay nước ngoài;

c) Nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi giải ngân được chuyển về tài khoản của đơn vị thực hiện chương trình, dự án mở tại Kho bạc nhà nước theo thỏa thuận với nhà tài trợ. Việc chi tiêu tuân thủ quy trình quản lý vốn ngân sách nhà nước hiện hành. Hết niên độ ngân sách, số dư dự toán nguồn vốn ngoài nước được xử lý theo các quy định quản lý vốn ngân sách nhà nước hiện hành; số dư tiền mặt trên tài khoản tạm ứng được tiếp tục sử dụng cho các hoạt động của chương trình, dự án trong niên độ tiếp theo theo quy định.

3. Trình tự và thủ tục rút vốn đối với khoản vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo phương thức tài trợ dự án:

a) Các hình thức rút vốn:

Thanh toán trực tiếp: chuyển tiền thanh toán trực tiếp cho nhà thầu, nhà cung cấp của dự án.

Thanh toán chuyển tiền: là hình thức thanh toán trực tiếp hoặc thanh toán hoàn vốn nêu dưới đây bằng Đồng Việt Nam.

Thanh toán theo thư cam kết: là hình thức thanh toán mà theo đề nghị của Bên vay, nhà tài trợ nước ngoài phát hành một thư cam kết sẽ trả lại tiền cho ngân hàng thương mại đối với khoản thanh toán đã thực hiện cho nhà thầu, nhà cung cấp theo phương thức thanh toán Thư tín dụng (L/C) qua hệ thống ngân hàng thương mại (ngân hàng cho vay, ngân hàng phục vụ).

Hoàn vốn hoặc hồi tố: Là hình thức mà nhà tài trợ nước ngoài thanh toán tiền từ tài khoản vốn vay vào tài khoản để hoàn lại các khoản chi hợp lệ do chủ dự án đã chi cho dự án. Các khoản chi hợp lệ có thể phát sinh trước (hồi tố) hoặc các khoản chi hợp lệ phát sinh sau (hoàn vốn) khi ký điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết và phải tuân thủ các quy định cụ thể trong các điều ước quốc tế cụ thể hoặc thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

Tài khoản tạm ứng là hình thức nhà tài trợ nước ngoài tạm ứng trước một khoản tiền vào một tài khoản mở riêng cho dự án tại ngân hàng phục vụ để chủ dự án chủ động trong việc thanh toán cho các khoản chi tiêu thường xuyên và hợp lệ của dự án, giảm bớt số lần rút vốn vay. Việc chi tiêu và thanh toán từ tài khoản tạm ứng được Bộ Tài chính và nhà tài trợ nước ngoài kiểm soát chặt chẽ.

b) Sau khi nhà tài trợ nước ngoài thông báo đã hoàn thành các điều kiện tiên quyết để rút vốn theo quy định tại các điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận vay ODA, vốn vay ưu đãi, chủ dự án hoặc ban quản lý dự án lập bộ hồ sơ đề nghị rút vốn theo mẫu của bên cho vay nước ngoài và theo từng hình thức rút vốn gửi Bộ Tài chính.

Trong trường hợp bên cho vay nước ngoài yêu cầu tài liệu bổ sung, hoặc chỉ chấp thuận một phần đơn rút vốn, Bộ Tài chính hoặc bên cho vay nước ngoài thông báo cho chủ dự án để phối hợp xử lý kịp thời các yêu cầu hợp lý của bên cho vay nước ngoài.

c) Hồ sơ rút vốn gửi Bộ Tài chính:

Đối với mỗi đợt rút vốn, chủ dự án hoặc đơn vị được ủy quyền lập và gửi cho Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ rút vốn theo từng hình thức rút vốn. Bộ Tài chính hướng dẫn hồ sơ rút vốn chi tiết.

Điều 56n. Nguyên tắc quản lý hạch toán vốn ODA, vay ưu đãi vào ngân sách nhà nước

1. Nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi bù đắp bội chi ngân sách nhà nước phải được hạch toán đầy đủ, chính xác vào ngân sách nhà nước.

2. Đối với các chương trình, dự án áp dụng cơ chế cấp phát toàn bộ hoặc một phần theo tỷ lệ được kiểm soát chi tại Kho bạc nhà nước, việc hạch toán ngân sách nhà nước phần vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo cơ chế cấp phát và phần vốn cho vay lại theo tỷ lệ (đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) do Kho bạc nhà nước nơi giao dịch thực hiện.

3. Hạch toán ngân sách nhà nước được thực hiện trên cơ sở chứng từ giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi chuyển cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng do nhà tài trợ nước ngoài thông báo. Đối với hình thức chi từ tài khoản tạm ứng, chủ dự án lập Giấy đề nghị hạch toán vốn ODA, vay ưu đãi gửi Kho bạc Nhà nước xác nhận đồng thời với thủ tục kiểm soát chi. Đối với các hình thức rút vốn khác, chủ dự án lập Giấy đề nghị hạch toán vốn ODA, vốn vay ưu đãi gửi Kho bạc Nhà nước xác nhận trong vòng 03 ngày kể từ khi nhận được chứng từ giải ngân của nhà tài trợ nước ngoài và gửi Bộ Tài chính để theo dõi.

4. Thời hạn hạch toán ngân sách nhà nước:

a) Các khoản chi nguồn vốn ODA, vay ưu đãi được xác nhận kiểm soát chi đến ngày 31 tháng 01 năm sau phải thực hiện rút vốn và xác nhận hạch toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch trước ngày 01 tháng 3 năm sau;

b) Đối với các khoản chi áp dụng kiểm soát chi sau thực hiện rút vốn từ ngày 31 tháng 01 trở về trước, Chủ dự án gửi hồ sơ đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để kiểm soát chi và xác nhận hạch toán chậm nhất trước ngày 01 tháng 3 năm sau;

c) Kho bạc Nhà nước hoàn thành hạch toán các khoản chi nguồn vốn ODA, vay ưu đãi trong niên độ thực hiện trước ngày 31 tháng 3 năm sau.

5. Trình tự, thủ tục quản lý hạch toán ngân sách nhà nước vốn ODA, vay ưu đãi thực hiện theo các quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

Mục 5
BÁO CÁO, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, QUYẾT TOÁN, KIỂM TRA

Điều 56o. Báo cáo tình hình giải ngân, hạch toán ngân sách nhà nước

1. Trong vòng 15 ngày kể từ khi kết thúc quý, chủ dự án thực hiện kiểm soát chi tại Kho bạc Nhà nước lập báo cáo gửi cơ quan chủ quản, đồng gửi cơ quan tài chính đồng cấp về tình hình giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi trong quý kèm các Giấy hạch toán ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước được Kho bạc nhà nước nơi giao dịch xác nhận.

Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập nhận vay lại thực hiện quy định về chế độ báo cáo giải ngân theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về cho vay lại.

2. Trong vòng 30 ngày kể từ khi đóng khoản vay ODA, vốn vay ưu đãi, chủ dự án gửi Báo cáo kết thúc rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi cho Bộ Tài chính và cơ quan chủ quản để làm cơ sở quyết toán dự án.

3. Chủ dự án lập và gửi các báo cáo tài chính cho nhà tài trợ nước ngoài theo quy định tại văn kiện dự án, điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận vay ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết, đồng gửi cho cơ quan chủ quản và cơ quan tài chính đồng cấp để theo dõi và chỉ đạo kịp thời công tác quản lý tài chính đối với dự án.

4. Hằng năm, trong vòng 60 ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo, để phục vụ đối chiếu số liệu hạch toán và thực tế giải ngân, cơ quan chủ quản có trách nhiệm lập, tổng hợp và cung cấp cho Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước báo cáo tình hình giải ngân và hạch toán, ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

5. Bộ Tài chính hướng dẫn các mẫu biểu báo cáo giải ngân và hạch toán ngân sách nhà nước.

Điều 56p. Chế độ kế toán, kiểm toán, quyết toán, kiểm tra, thanh tra

Chế độ kế toán, kiểm toán, quyết toán, kiểm tra, thanh tra chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định hiện hành áp dụng đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước và theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, phù hợp với các nội dung đặc thù đối với nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

Điều 56q. Các quy định về thuế, phí và quản lý tài sản

1. Các quy định về thuế, phí và quản lý tài sản đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định của pháp luật, các điều ước quốc tế về ODA, vốn vay ưu đãi, quy định pháp luật liên quan và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Nguồn thu từ việc khai thác tài sản công do Nhà nước đầu tư từ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi phải được ưu tiên dành để trả nợ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Chủ dự án hoặc đơn vị được giao vận hành dự án có trách nhiệm gửi báo cáo định kỳ về tình hình biến động giá trị tài sản hình thành từ vốn ODA, vốn vay ưu đãi và dòng tiền phát sinh từ tài sản đó theo hướng dẫn của Bộ Tài chính."

39. Sửa đổi các khoản 4 và 6, 7, 8 Điều 58 như sau:

"4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng và khả năng cân đối các nguồn vốn này.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Chính phủ về việc ký kết điều ước quốc tế khung và điều ước quốc tế cụ thể về vốn ODA không hoàn lại không gắn với khoản vay quy định tại khoản 4 Điều 32; đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ về việc ký kết thỏa thuận về vốn ODA không hoàn lại quy định tại khoản 4 Điều 35 Nghị định này.

7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan:

a) Tổng hợp trình Chính phủ kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài và vốn đối ứng của quốc gia quy định tại Điều 45a, 45b Nghị định này;

b) Điều chỉnh hoặc trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm quy định tại Điều 45c Nghị định này.

8. Phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan xác định thành tố ưu đãi, đánh giá tác động của khoản vay mới đối với các chỉ tiêu an toàn nợ công, cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với chương trình, dự án theo quy định của pháp luật."

40. Bổ sung khoản 6a, 6b Điều 58 như sau:

"6a. Tổng hợp và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương thực hiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ; gửi văn bản chính thức đề nghị nhà tài trợ nước ngoài tài trợ cho dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sau khi chủ trương thực hiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án được Thủ tướng Chính phủ quyết định.

6b. Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng điều ước quốc tế khung và điều ước quốc tế cụ thể, thoả thuận về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi."

41. Sửa đổi khoản 4, 5, 6, điểm i khoản 7 Điều 59 như sau:

"4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Chính phủ về việc ký kết điều ước quốc tế khung và cụ thể về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn ODA không hoàn lại tài trợ cho chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định này; đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ về việc ký kết thỏa thuận về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn ODA không hoàn lại tài trợ cho chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định này.

5. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng và khả năng cân đối các nguồn vốn này.

6. Đại diện chính thức cho "bên vay" đối với các khoản vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ với nhà tài trợ nước ngoài."

7. Quản lý tài chính đối với chương trình, dự án:

i) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình Chính phủ kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài và vốn đối ứng của quốc gia quy định tại Điều 45a, 45b Nghị định này; điều chỉnh hoặc trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm quy định tại Điều 45c Nghị định này;"

42. Bổ sung khoản 3a Điều 59 như sau:

"3a. Bộ Tài chính chủ trì xác định thành tố ưu đãi, đánh giá tác động của khoản vay ODA và vay ưu đãi đối với các chỉ tiêu an toàn nợ công, xác định cơ chế tài chính trong nước đối với các Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi."

43. Sửa đổi khoản 3, 4 và 6 Điều 60 như sau:

"3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình cấp có thẩm quyền về việc ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA không hoàn lại không gắn với khoản vay với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế, theo quy định tại khoản 3 Điều 32 và khoản 3 Điều 35 Nghị định này.

4. Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc trình cấp có thẩm quyền về việc ký kết các điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi đối với các tổ chức tài chính tiền tệ và ngân hàng quốc tế mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam làm đại diện.

6. Xác định danh sách và cho ý kiến về ngân hàng đủ điều kiện làm ngân hàng phục vụ cho chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi."

44. Sửa đổi khoản 4 Điều 61 như sau:

"4. Thẩm định Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án hợp tác với nhà tài trợ nước ngoài về pháp luật thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật; cho ý kiến đối với chương trình, dự án, phi dự án hợp tác pháp luật thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chủ quản."

45. Sửa đổi khoản 2, 3 Điều 64 như sau:

"2. Xây dựng Đề xuất chương trình, dự án, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoặc Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Văn kiện dự án, phi dự án trình cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt theo thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 12, khoản 2 Điều 30a Nghị định này.

3. Phối hợp với cơ quan đề xuất ký kết trong việc trình cấp có thẩm quyền về việc ký kết điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án do mình làm chủ quản theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 32 và khoản 2, 3 Điều 35 Nghị định này và thực hiện điều ước quốc tế, thoả thuận đó theo quy định của pháp luật."

46. Sửa đổi khoản 2, 3 Điều 65 như sau:

"2. Xây dựng Đề xuất chương trình, dự án, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoặc Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Văn kiện dự án, phi dự án trình cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt theo thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 12 và khoản 2 Điều 30a Nghị định này.

3. Phối hợp với cơ quan đề xuất ký kết trong việc trình cấp có thẩm quyền về việc ký kết điều ước quốc tế cụ thể, thoả thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án do mình làm chủ quản quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 32 và khoản 2, 3, 4 Điều 35 Nghị định này và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận đó theo quy định của pháp luật."

47. Thay thế Phụ lục I như sau:

"Phụ lục I

PHƯƠNG PHÁP TÍNH THÀNH TỐ ƯU ĐÃI CỦA KHOẢN VAY

1. Thành tố ưu đãi được xác định trên cơ sở các yếu tố về đồng tiền vay, thời gian vay, thời gian ân hạn, lãi suất vay, phí, chi phí vay khác, khoản viện trợ kết cấu để tăng tính ưu đãi khoản vay (nếu có) và tỉ lệ chiết khấu tại thời điểm tính toán. Các khoản viện trợ để hỗ trợ kỹ thuật, thuê chuyên gia tư vấn thiết kế, xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi... sẽ không được tính.

2. Thành tố ưu đãi của khoản vay được tính theo công thức sau:

$$GE = \left(1 - \frac{\frac{r}{a}}{d}\right)\left(1 - \frac{\frac{1}{(1+d)^{aG}} - \frac{1}{(1+d)^{aM}}}{d^{(aM-aG)}}\right)$$

Trong đó:

GE: Thành tố ưu đãi của khoản vay (%)

G: Thời gian ân hạn (năm)

M: Thời hạn cho vay (năm).

r: Lãi suất vay (%) là lãi suất tính gộp của lãi suất danh nghĩa và toàn bộ các phí vay, chi phí vay khác theo thỏa thuận vay nước ngoài, bao gồm khoản viện trợ không hoàn lại kết cấu để tăng tính ưu đãi khoản vay (nếu có), được tính căn cứ theo phương pháp tỷ lệ hoàn vốn nội bộ của các dòng tiền giải ngân và dòng tiền trả nợ theo từng năm trong suốt thời gian vay của dự án.

a: Số lần trả nợ trong năm (theo điều kiện của nhà tài trợ)

d: Tỷ lệ chiết khấu của mỗi kỳ: d = (1 + d')1/a - 1(%)

d': Tỷ lệ chiết khấu (%) tương ứng lãi suất vay của Chính phủ Việt Nam trên thị trường tại thời điểm tính toán

3. Tỷ lệ chiết khấu tính tương ứng lãi suất vay của Chính phủ Việt Nam trên thị trường tại thời điểm tính toán nêu tại khoản 2 trên được xác định cụ thể như sau:

a) Trường hợp tại thời điểm tính toán Chính phủ Việt Nam có phát hành trái phiếu quốc tế thì tỷ lệ chiết khấu là mức lãi suất thấp hơn giữa lãi suất phát hành trái phiếu quốc tế của Chính phủ và lãi suất chiết khấu quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Trường hợp tại thời điểm tính toán Chính phủ Việt Nam không phát hành trái phiếu quốc tế, đối với các khoản vay nước ngoài có thời gian vay dưới 15 năm, tỷ lệ chiết khấu là lãi suất chiết khấu (DDR) do OECD công bố hằng năm tương ứng với từng đồng tiền vay chủ yếu; đối với các khoản vay có thời gian vay từ 15 năm trở lên, tỷ lệ chiết khấu được tính bằng trung bình 10 năm gần nhất lãi suất thương mại tham chiếu (CIRR) do OECD công bố tương ứng với từng đồng tiền vay chủ yếu (USD, EUR và JPY và WON) cộng mức rủi ro kỳ hạn cũng do OECD công bố. Đối với các đồng tiền khác áp dụng lãi suất chiết khấu do OECD công bố áp dụng cho đồng USD."

48. Thay thế Phụ lục II như sau:

"Phụ lục II
MẪU ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH,
DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI

I. Tên chương trình, dự án.

II. Cơ sở đề xuất:

- Tầm quan trọng, sự cần thiết và khả thi của chương trình, dự án về mặt kinh tế, xã hội, môi trường, khoa học, công nghệ,...

- Những nỗ lực đã được thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra.

- Các chương trình, dự án đang triển khai cùng lĩnh vực (nếu có).

- Nhà tài trợ nước ngoài dự kiến.

III. Nội dung đề xuất:

1. Mục tiêu, phạm vi của chương trình, dự án: Mô tả mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể và phạm vi của chương trình, dự án.

2. Dự kiến kết quả chính của chương trình, dự án: Tóm tắt kết quả chính dự kiến của chương trình, dự án.

3. Dự kiến thời gian thực hiện của chương trình, dự án (trong đó xác định thời gian xây dựng và thời gian vận hành).

4. Dự kiến tổng mức, cơ cấu nguồn vốn thực hiện dự án và đề xuất cơ chế tài chính:

a) Tổng mức vốn đầu tư: Vốn vay nước ngoài; vốn đối ứng.

b) Cơ chế tài chính và dự kiến tiến độ giải ngân (gắn với dự kiến thời gian của chương trình dự án).

c) Phương án cân đối trả nợ.

5. Đánh giá tác động:

- Đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường (nếu có).

- Đánh giá sơ bộ tác động đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn của cơ quan đề xuất."

Điều 2. Bãi bỏ, thay thế

1. Bãi bỏ: Khoản 7 Điều 3; Điều 17; điểm b, c khoản 5 Điều 26; điểm b, c khoản 6 Điều 26; khoản 7, 8 Điều 26; khoản 4, 5 và 6 Điều 29; Điều 38; Điều 40; Điều 45; khoản 3 Điều 46; Điều 50; điểm e khoản 7 Điều 59; khoản 5 Điều 60; cụm từ "chương trình, dự án ô" tại khoản 4 Điều 46; cụm từ "phi dự án" tại các Điều của Chương II, III; Phụ lục IV và IX; Mục XI tại Phụ lục VII; Mục X tại Phụ lục X.

2. Thay thế từ "Văn kiện" thành "Báo cáo nghiên cứu khả thi" tại các Điều 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30; Phụ lục V, VI, VIII.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Điều khoản chuyển tiếp:

a) Chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề xuất, Quyết định chủ trương đầu tư trước ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo Đề xuất, Quyết định chủ trương đầu tư đã được phê duyệt và không phải phê duyệt lại theo quy định của Nghị định này;

b) Dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt Quyết định chủ trương đầu tư trước ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo Quyết định chủ trương đầu tư đã được phê duyệt và không phải phê duyệt Quyết định chủ trương thực hiện theo quy định của Nghị định này;

c) Dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại trong quá trình thực hiện có sự điều chỉnh mà nội dung điều chỉnh không dẫn tới thay đổi thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 30a, cơ quan chủ quản thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 30e; trường hợp nội dung điều chỉnh dẫn tới thay đổi thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 30a, cơ quan chủ quản thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh theo quy định tại Điều 30c và khoản 1, 2 Điều 30e;

d) Việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế khung và cụ thể về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi; thỏa thuận về vốn ODA, vay ưu đãi đã ký kết phát sinh sau ngày Nghị định này có hiệu lực được áp dụng theo quy định của Nghị định này;

đ) Các khoản thanh toán theo thư tín dụng đã mở trước ngày hiệu lực của Nghị định này được tiếp tục áp dụng quy định kiểm soát chi theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Đối với dự án ô đang triển khai, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc lập kế hoạch đầu tư công hàng năm. Cơ quan chủ quản dự án ô không có chức năng điều phối, phân bổ và giao kế hoạch vốn cho các dự án thành phần.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHQT (2b). PC 205

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc